

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 711/2023/HC-PT

Ngày: 21-8-2023

V/v “*Khiếu kiện quyết định
hành chính*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 676/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 943/2022/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1152/2023/QĐ-PT ngày 17/5/2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1955;

Địa chỉ: 2 khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1950 (có mặt);

Địa chỉ: E Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lưu Trạch T, sinh năm 1989 (vắng mặt);

- Ông Lưu Trạch Đ, sinh năm 1994 (có mặt);

- Bà Lưu Ngọc T1, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Cùng trú tại: 2 khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Ông Lưu Trạch T2, sinh năm 1941 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lưu Trạch T2: Bà Đỗ Thị H, ông Lưu Trạch T, ông Lưu Trạch Đ và bà Lưu Ngọc T1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Hồng Thiên K thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Thành phố H (vắng mặt)

Địa chỉ: H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện C

Địa chỉ: Đường L, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1, chức vụ: Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Linh P - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố H (có mặt).

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Đỗ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khu đất của hộ gia đình ông Lưu Trạch T2, bà Đỗ Thị H có diện tích 100.000m² thuộc thửa đất số 563, tờ bản đồ số 30, thị trấn C, huyện C, thuộc một phần thửa số 149 (thửa cũ), thửa số 192 (thửa mới), tờ bản đồ số 1, xã C theo Bản đồ vị trí tỷ lệ 1/2000 Sơ đồ số 6217/QĐ-ĐC ngày 18/10/1997 của Sở Địa Chính Thành phố H. Nguồn gốc đất do khai hoang làm ruộng cấy lúa từ trước năm 1970, có Bằng khoán do cơ quan có thẩm quyền chế độ cũ là Ty Điền Đ1 tỉnh Gia Định cấp cho ông Đỗ Văn P1 (ông nội của bà Đỗ Thị H). Ông Đỗ Phan c để lại cho con là ông Đỗ Văn G (cha bà H) rồi đến bà Đỗ Thị H sử dụng.

Về quá trình sử dụng đất: Sau năm 1975, ông Đỗ Văn G có đăng ký sử dụng 10ha đất nêu trên 02 lần nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình bà H tận dụng hiện trạng đất cho cá tôm sinh sản, đào kinh mương đắp đập nuôi tôm cá tự nhiên. Đến năm 1987, Công ty C thu hồi hết đất của gia đình bà H để nuôi tôm, không có quyết định thu hồi đất, không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho gia đình bà H.

Ngày 29/6/1988, ông Đỗ Văn G có đơn đăng ký đất tại Ủy ban nhân dân xã C xin khai thác lại 03ha trong 10 ha đất nêu trên để canh tác nuôi tôm cá, được ông Lê Văn Đ2, cán bộ địa chính C xác nhận. Ông Đỗ Văn G có đóng thuế đầm nhưng giấy đóng thuế đã bị thất lạc, bà H có xin Chi cục Thuế huyện xác nhận nghĩa vụ thuế và đã được trả lời tại Công văn 2025/CCT-NVDT.TTHT ngày 01/11/2016.

Ngày 06/8/1988, ông Đỗ Văn G tiếp tục có đơn xin khẩn đất, được Ủy ban nhân dân huyện C giao đất theo Quyết định số 276/QĐGD ngày 16/12/1989 được sử dụng diện tích đất 16.900m², thửa 134, thửa phân chiết 134A tại thị trấn C và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2006, cha bà H chuyển nhượng phần đất này cho em bà H là ông Đỗ Văn T3 sử dụng cho đến nay. Phần đất theo đơn đăng ký lần thứ ba xin sử dụng 10 ha đất của ông bà để lại cho gia đình nhưng chưa được Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết cho đến nay.

Năm 1995, Công ty C bỏ đất trồng do nuôi tôm bị thua lỗ, gia đình bà H tiếp tục sử dụng đất của mình để sản xuất muối suốt 10 năm tính từ năm 1998 cho đến năm 2008 thì ngưng do triển khai việc đổ bùn cho dự án khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, nên hộ gia đình bà H, ông T2 không sử dụng đất được cho đến nay.

Vợ chồng ông Lưu Trạch T2, bà Đỗ Thị H có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 40.000m² (04ha)/100.000m² (10ha) đất, thửa đất số 563, tờ bản đồ số 30, thị trấn C, huyện C của gia đình nhưng không được Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết vì căn cứ theo Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố và cho rằng gia đình bà H, ông T2 không có quá trình sử dụng đất.

Gia đình ông Lưu Trạch T2, bà Đỗ Thị H hoàn toàn không biết đến Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Đến tháng 5/2017, gia đình ông Lưu Trạch T2, bà Đỗ Thị H biết được khu đất 10ha của gia đình đã bị thu hồi theo Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Không đồng ý quyết định nêu trên, ông Lưu Trạch T2, bà Đỗ Thị H khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố do thu hồi khu đất có diện tích đất 40.000m² của gia đình ông Lưu Trạch T2, bà Đỗ Thị H thuộc một phần thửa số 149 (thửa cũ), thửa số 192 (thửa mới), tờ bản đồ số 1 xã C; một phần thửa số 33 và một phần đường thửa chính thức số 563 tờ bản đồ số 30 xã C, bản đồ địa chính 2003.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Thành phố H có ý kiến trình bày tại Văn bản số 1578/UBND-NCPC ngày 18/5/2021:

1. Về nguồn gốc, pháp lý, quá trình quản lý sử dụng liên quan khu đất bà Đỗ Thị H khởi kiện:

Khu đất có diện tích 04ha, đối chiếu bản đồ Tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB thuộc thửa 149 loại đất TS, tờ bản đồ số 01, tỷ lệ 1/2000, thị trấn C, theo sổ đăng ký thửa đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp quản lý.

Ngày 21/01/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 57/QĐ-TTg về giao cho Công ty P2, Thành phố Hồ Chí Minh thuê đất để hợp tác kinh

doanh với nước ngoài có tổng diện tích 2.529.760m² đất thuộc xã L và C, huyện C, trong đó có 04ha mà bà H đang khởi kiện.

Ngày 16/5/1998, Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T0000/la Quyền sử dụng đất 1082/UB cho Công ty P2.

Ngày 08/4/2002, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 về việc xử lý các khu đất của Công ty P2 với tổng diện tích thu hồi 212,2425ha (trong đó có 04ha của bà Đỗ Thị H đang khởi kiện).

Ngày 31/7/2009, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3661/QĐ-UBND về giao đất cho Trung tâm N diện tích 121.225,7m², phần đất còn lại 1.984.476,1m² do Ủy ban nhân dân huyện C quản lý (trong đó có khu đất bà Đỗ Thị H đang khởi kiện thuộc địa bàn thị trấn C).

Năm 2014, bà Đỗ Thị H nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với khu đất 04ha thuộc thửa số 536, Tờ bản đồ số 30 thị trấn C. Tuy nhiên, ngày 31/12/2014, Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 3081/UBND không đồng ý cấp giấy chứng nhận theo đơn đề nghị. Bà Đỗ Thị H tiếp tục có đơn yêu cầu giải quyết, Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành nhiều văn bản trả lời với nội dung không có cơ sở xem xét, cụ thể: Công văn số 249/UBND ngày 06/02/2015, Công văn số 656/UBND ngày 03/4/2015, Công văn số 1571/UBND ngày 17/7/2015.

Khu đất bà Đỗ Thị H khởi kiện, Ủy ban nhân dân huyện C chưa cấp Giấy chứng nhận cho bất kỳ hộ gia đình, cá nhân nào.

Về hỗ trợ của Công ty P2 khi được giao đất theo Quyết định số 57/QĐ-TTG ngày 21/01/1998 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T0000/la Quyền sử dụng đất 1082/UB cho Công ty P2. Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện C đang là soát hồ sơ của Công ty P2 về hỗ trợ cho hộ dân khi được giao đất.

Hiện Ủy ban nhân dân huyện C đang quản lý khu đất theo Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, khu đất được bố trí là đất ở, đất giáo dục, lộ giới đường L, lộ giới đường G, chưa có quy hoạch chi tiết 1/2000.

Như vậy, khu đất diện tích 212,2425ha tại xã L và xã C, huyện C có nguồn gốc do Công ty P2 quản lý, sử dụng. Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện C đang quản lý khu đất theo Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và chưa giải quyết, chưa cấp giấy chứng nhận cho bất kỳ hộ gia đình, cá nhân nào.

Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 về việc xử lý các khu đất của Công ty P2 là đúng quy định pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến trình bày tại Văn bản số 870/UBND-NCPC ngày 02/3/2021:

Khu đất bà Đỗ Thị H và ông Lưu Trạch T2 khởi kiện có diện tích 04ha thuộc thửa số 563, tờ bản đồ số 30 thị trấn C. Qua đối chiếu tài liệu theo Chỉ thị 02/CT-UB ngày 18/01/1992 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, thì thửa đất trên nhằm thửa 149, loại đất TS, tờ bản đồ số 01, tỷ lệ 1/2000, thị trấn C, theo sổ đăng ký thửa đất này có nguồn gốc do Nhà nước quản lý.

Ngày 21/01/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 57/QĐ-TTg về giao cho Công ty P2, Thành phố Hồ Chí Minh thuê đất để hợp tác kinh doanh với nước ngoài có tổng diện tích 2.529.760m² đất thuộc xã L và C, huyện C, trong đó có 04ha mà bà H đang khởi kiện.

Ngày 16/5/1998, Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T0000/la Quyền sử dụng đất 1082/UB cho Công ty P2.

Ngày 08/4/2002, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 về việc xử lý các khu đất của Công ty P2 với tổng diện tích thu hồi 212,2425 ha (trong đó có 04ha của bà Đỗ Thị H đang khởi kiện) và giao toàn bộ diện tích đất này cho Ủy ban nhân dân huyện C quản lý, bố trí sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện là cơ quan có trách nhiệm quản lý khu đất không để xảy ra lấn, chiếm.

Ngày 31/7/2009, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3661/QĐ-UBND về giao đất cho Trung tâm N diện tích 121.225,7m², phần đất còn lại 1.984.476,1m² do Ủy ban nhân dân huyện C quản lý (trong đó có khu đất bà Đỗ Thị H đang khởi kiện thuộc địa bàn thị trấn C).

Về mốc thời gian đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kết quả giải quyết.

Năm 2014, bà Đỗ Thị H nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với khu đất 04ha thuộc thửa số 536, Tờ bản đồ số 30 thị trấn C.

Ngày 31/12/2014, Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 3081/UBND không đồng ý cấp giấy chứng nhận theo đơn đề nghị. Bà Đỗ Thị H tiếp tục có đơn yêu cầu giải quyết, Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành nhiều văn bản trả lời với nội dung không có cơ sở xem xét, cụ thể: Công văn số 249/UBND ngày 06/02/2015, Công văn số 656/UBND ngày 03/4/2015, Công văn số 1571/UBND ngày 17/7/2015.

Nay bà H, ông T2 khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố xem xét giải quyết theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 943/2022/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H và ông Lưu Trạch T2 (bà Đỗ Thị H, ông Lưu Trạch T, ông Lưu Trạch Đ và bà Lưu Ngọc T1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lưu Trạch T2) về việc hủy một phần Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2022 người khởi kiện bà Đỗ Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện bà Đỗ Thị H có người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp là Luật sư Nguyễn Hồng Thiên K trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Nguyễn Hồng Thiên K trình bày: Trong Quyết định trả lời của Ủy ban nhân dân Thành phố có thu hồi đất của bà H, tại Công văn số 3081/UBND của Ủy ban nhân dân huyện thì không có thửa đất của bà H, theo trích lục địa bộ thể hiện gia đình bà H sử dụng đất trước năm 1970 với diện tích là 10ha. Như vậy Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố thu hồi có đất của bà H là mâu thuẫn. Trường hợp này khởi kiện sót Công văn số 3081 vì Văn phòng đăng ký đất đai đã trả lời 3 lần thay đổi cũng không đúng với số thửa theo Công văn số 3081, tuy Công văn số 3081 không phải quyết định hành chính nhưng là văn bản giải quyết nội dung vụ án, Công ty C được cấp đất nhưng cũng không thể hiện được thửa đất của gia đình bà H có nằm trong đó và do chưa được đo vẽ nên không xác định được diện tích là 10 hay 11ha. Vì vậy cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà H là không đủ căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn L đề nghị đo vẽ lại diện tích bà H có yêu cầu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Linh P trình bày: Công văn số 3081 là văn bản trả lời hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H, không phải quyết định thu hồi đất. Công ty C đăng ký đất này ở thửa 49, khi người dân xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đo lại là thửa 563, giữa các thời kỳ thì có số thửa khác nhau. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân Thành phố cấp cho Công ty C có kèm bản đồ đã thể hiện trùm luôn đất của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính 2015 và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Đỗ Thị H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Đỗ Thị H trong hạn luật định, hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H:

Quyết định số 1507 là quyết định hành chính quản lý nhà nước về đất đai do Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành được quy định tại Điều 13 Luật Đất đai năm 1993; Điều 22 Luật Đất đai năm 2013.

[2.1] Về nội dung của quyết định bị kiện:

- Về nguồn gốc phần đất diện tích 40.000m²: Xét các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy: Theo Văn bản số 4134/VPĐK-KTĐC ngày 24/3/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H và Văn bản số 5151/VPĐK-CNCG ngày 02/8/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C thể hiện khu đất của bà Đỗ Thị H2 và ông Lưu Trạch T2 thuộc một phần thửa đất số 134, 157 và một phần kinh, tờ bản đồ số 5, xã C, huyện C theo tài liệu 299/TTg ngày 10/11/1980 do Ủy ban nhân dân xã Đ3; Theo tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB ngày 18/01/1992 của Ủy ban nhân dân Thành phố H nhằm một phần thửa số 149, tờ bản đồ số 1, xã C, huyện C do Công ty C1 đăng ký và theo tài liệu năm 2003 thuộc thửa số 33 và một phần đường (thửa chính thức 536), tờ bản đồ số 30, thị trấn C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ các tài liệu 299/TTg ngày 10/11/1980, tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB ngày 18/01/1992 và tài liệu năm 2003 nhận thấy phần đất này do Nhà nước đăng ký, kê khai sử dụng. Phía bà Đỗ Thị H và ông Lưu Trạch T2 đều không có kê khai, đăng ký và sử dụng đất đối với phần diện tích đất 40.000m².

- Về quá trình quản lý, sử dụng đất: Theo người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì khu đất diện tích 40.000m² của bà Đỗ Thị H và ông Lưu Trạch T2 có yêu cầu là một phần trong diện tích được giao cho Công ty P2 theo Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 21/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ, để hợp tác kinh doanh với nước ngoài có tổng diện tích 2.529.760m², đất thuộc xã L và C, huyện C, Ủy ban nhân dân Thành phố H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T0000/1a, Quyền sử dụng đất 1082/UB ngày 16/5/1998 cho Công ty P2 đối với diện tích đất nêu trên.

Theo đó, Quyết định số 1507 về việc xử lý các khu đất của Công ty P2 với tổng diện tích thu hồi 212,2425 ha và giao toàn bộ diện tích đất này cho Ủy ban nhân dân huyện C quản lý, bố trí sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngày 31/7/2009, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3661/QĐ-UB ngày 31/7/2009 về việc giao đất cho Trung tâm N diện tích 121.225,7m², phần đất còn lại 1.984.476,1m² giao Ủy ban nhân dân huyện C quản lý.

Hội đồng xét xử xét thấy, khu đất diện tích 212,2425 ha tại xã L và xã C, huyện C có nguồn gốc do Công ty P2 được cấp và quản lý, sử dụng. Tuy nhiên do sử dụng không hiệu quả nên UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 giao cho Ủy ban nhân dân huyện C quản lý. Quyết định số 1507/QĐ-UB không có nội dung điều chỉnh trực tiếp cụ thể như tên của bà H, ông T2 hay nội dung thu hồi phần đất của bà Đỗ Thị H và ông Lưu Trạch T2, mà chỉ là quyết định hành chính quản lý nhà nước về đất đai tại khu vực xã L và xã C, huyện C do Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành.

Mặt khác, bà H và ông T2 không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh có quá trình quản lý, sử dụng và kê khai đăng ký phần đất diện tích đất 40.000m² cũng như đã bị điều chỉnh trực tiếp bởi Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Từ đó không có cơ sở xác định Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H điều chỉnh trực tiếp phần đất của bà Đỗ Thị H và ông Lưu Trạch T2 hoặc ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Thị H và ông Lưu Trạch T2. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H và ông Lưu Trạch T2 về việc hủy một phần Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H Minh là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận theo hướng giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Đỗ Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, do bà H trên 60 tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên bà H được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Đỗ Thị H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 943/2022/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H và ông Lưu Trạch T2 (bà Đỗ Thị H, ông Lưu Trạch T, ông Lưu Trạch Đ và bà Lưu Ngọc T1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lưu Trạch T2) về việc hủy một phần Quyết định số 1507/QĐ-UB ngày 08/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

2/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đỗ Thị H được miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP . HCM;
- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- Cục THADS TP . HCM;
- Đương sự (6);
- Lưu HS (2), VP(5) (18B). (LTTT).

Nguyễn Đắc Minh